

Số: /QĐ-UBND

Hoàng Mai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt E-HSMT, tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT gói thầu Thi công xây dựng công trình dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất xây dựng nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Yên Sở, quận Hoàng Mai

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND quận Hoàng Mai về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất xây dựng nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Yên Sở, quận Hoàng Mai;

Căn cứ Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển chủ đầu tư và đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư công, các nhiệm vụ khác khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương thành phố Hà Nội năm 2025 khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 8/8/2025 của UBND phường Hoàng Mai về việc giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý dự án đầu tư – Hạ tầng Phường thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ đầu tư để tiếp tục triển khai các dự án đầu tư công trên địa bàn Phường;

Căn cứ Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của UBND phường Hoàng Mai về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất xây dựng nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Yên Sở, quận Hoàng Mai;

Căn cứ Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của UBND phường Hoàng Mai về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng công trình Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất xây dựng nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Yên Sở, quận Hoàng Mai;

Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND phường Hoàng Mai về việc phê duyệt điều chỉnh giá gói thầu Thi công xây dựng công trình dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất xây dựng nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Yên Sở, quận Hoàng Mai;

Theo đề nghị của Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng Minh Hoàng tại Tờ trình số 32/TTr-MH ngày 27/11/2025 về việc đề nghị phê duyệt E-HSMT gói thầu Thi công xây dựng công trình dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất xây dựng nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Yên Sở, quận Hoàng Mai;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư – Hạ tầng phường Hoàng Mai tại Tờ trình số 62/TTr-BQLDA ngày 27/11/2025, đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số .../TTr-KTHTĐT ngày 28/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt E-HSMT, tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT gói thầu Thi công xây dựng công trình dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất xây dựng nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Yên Sở, quận Hoàng Mai theo nội dung tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ban Quản lý dự án Đầu tư – Hạ tầng

- Ban Quản lý dự án Đầu tư – Hạ tầng, Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng Minh Hoàng chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đề xuất (bao gồm tính chính xác về số lượng và chất lượng sản phẩm, sự phù hợp giữa E-HSMT và hồ sơ dự án, dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; sự phù hợp giữa E-HSMT với các quy định của pháp luật, đảm bảo không hạn chế nhà thầu, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng trong quá trình lựa chọn nhà thầu).

- Phối hợp với phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tham mưu UBND Phường tổ chức lựa chọn nhà thầu theo E-HSMT được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

2. Giao phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Phối hợp với Ban Quản lý dự án Đầu tư – Hạ tầng tham mưu UBND Phường tổ chức lựa chọn nhà thầu theo E-HSMT được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường Hoàng Mai, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Lãnh đạo Ban Quản lý dự án đầu tư – Hạ tầng phường Hoàng Mai, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đ/c Vũ Hùng Quân – PCT UBND Phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Lê Hiến

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của UBND phường Hoàng Mai)

Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT gói thầu Thi công xây dựng công trình Dự án: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất xây dựng nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Yên Sở, quận Hoàng Mai

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm¹

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công xây dựng trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSĐT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của ngân hàng tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09C Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

¹ Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, E-HSMT có thể bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc không bao gồm tiêu chuẩn này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT). Nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm để đối chiếu trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm);

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁴⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 ⁽⁵⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 25.622.000.000 ⁽⁶⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08A

3.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	<p><i>Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng hoặc không yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng.</i></p> <p><i>- Trường hợp có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng thì quy định như sau:</i></p> <p>“Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao⁽⁷⁾, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 5.637.000.000 ⁽⁸⁾VND.</p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:</p> <p>- Giá trị tối thiểu: 5.637.000.000 ⁽⁸⁾VND;</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2026;</p> <p>- Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.”</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08B, 08C
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự⁽⁹⁾	<p><i>- Trường hợp có yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự thì chọn “Áp dụng” và quy định như sau:</i></p> <p>1. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập (ví dụ công trình A):</p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽¹⁰⁾ đến thời điểm</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

		<p>đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn⁽¹⁾ tối thiểu 01 công trình có: loại kết cấu: Công trình Hạ tầng kỹ thuật (Nhà thầu phải nộp Bản sao được chứng thực các tài liệu chứng minh về các hợp đồng tương tự như sau: Hợp đồng + Phụ lục khối lượng kèm theo hợp đồng; Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục/công trình hoặc Xác nhận của Chủ đầu tư về công trình/hạng mục hoàn thành hoặc các tài liệu khác có tính pháp lý tương đương, Quyết định phê duyệt dự án hoặc giấy phép xây dựng (nếu có) hoặc các tài liệu khác có tính pháp lý tương đương thể hiện quy mô, cấp công trình. Đối với các hợp đồng với vai trò là thầu phụ, nhà thầu phải có tên trong hợp đồng hoặc xác nhận của chủ đầu tư hoặc các tài liệu khác có tính chất tương đương. Đối với dự án không sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì nhà thầu phải nộp giấy phép xây dựng (nếu có) hoặc các tài liệu khác có tính pháp lý tương đương của cơ quan có thẩm quyền), cấp III có giá trị là: 9.300.000.000 VNĐ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.</p> <p>Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.</p>				
--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối

cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, năm Y-2...).

Ví dụ:

- Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023

đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k.

Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSDT.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).

Thông thường yêu cầu hệ số “t” trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu.

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và có thời gian thực hiện hợp đồng lớn hơn 36 tháng, chủ đầu tư có thể quy định năm yêu cầu từ 03 năm đến 08 năm.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì E-HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Chủ đầu tư không được đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với hạng mục trong trường hợp gói thầu chỉ gồm công trình hoặc cả công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng (Ví dụ: yêu cầu hợp đồng tương tự đối với công trình giao thông cấp IV nhưng phải bao gồm hạng mục nền đắp đất, cấp phối đá dăm, mặt bê tông nhựa hoặc bê tông, rãnh thoát nước dọc, ngang, mái kè gia cố...).

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

Ví dụ: Trường hợp công trình đang xét là công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp II với giá trị công trình là 60 tỷ đồng, nếu nhà thầu có 2 công trình xây dựng có loại kết cấu dạng nhà cấp III với giá trị đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn lần lượt là 30 tỷ đồng, 50 tỷ đồng thì được coi là đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn một công trình dân dụng cấp II với giá trị 30 tỷ đồng.

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng “Trường trung học phổ thông A”, bao gồm tổ hợp các công trình:

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 8.000 m², có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m², có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m², có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m²

Trong E-HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là 50% x (2X) VND” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

a) Nhân sự chủ chốt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có đủ nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất, nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất tại các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn ⁽²⁾
-----	------------------	----------	---------------------------------	---

			tương tự⁽¹⁾	
1	Chỉ huy trưởng công trường	01	tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Được đào tạo các chuyên ngành phù hợp, đã từng làm chỉ huy trưởng 01 công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III hoặc 02 công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV. - Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu. - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự: <ul style="list-style-type: none"> + Công việc: Chỉ huy trưởng + Hợp đồng: công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III hoặc 02 công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV (hoàn thành) (Cung cấp tài liệu chứng minh: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu có tên nhân sự hoặc xác nhận của chủ đầu tư hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương; Tài liệu chứng minh loại, cấp công trình (Quyết định phê duyệt dự án hoặc giấy phép xây dựng hoặc tài liệu có tính pháp lý tương đương)
2	Cán bộ an toàn lao động	01	tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Được đào tạo các chuyên ngành phù hợp có chứng nhận đào tạo huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh môi trường nhóm II trở lên còn hiệu lực. - Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu. - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự: <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng: công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III hoặc 02 công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV (hoàn thành) + Công việc: Cán bộ kỹ thuật phụ trách an toàn lao động. (Cung cấp tài liệu chứng minh: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu có tên nhân sự hoặc xác nhận của chủ đầu tư hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương; Tài liệu chứng minh loại, cấp công trình (Quyết định phê duyệt dự án hoặc giấy phép xây dựng hoặc tài liệu có tính pháp lý tương đương).
3	Cán bộ kỹ thuật	01	Tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Được đào tạo các chuyên ngành phù hợp. - Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu. - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự: <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng: công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III hoặc 02 công trình hạ tầng kỹ thuật cấp

				<p>IV (hoàn thành) + Công việc: Cán bộ kỹ thuật (hoặc tương đương). (Cung cấp tài liệu chứng minh: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu có tên nhân sự hoặc xác nhận của chủ đầu tư hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương; Tài liệu chứng minh loại, cấp công trình (Quyết định phê duyệt dự án hoặc giấy phép xây dựng hoặc tài liệu có tính pháp lý tương đương).</p>
4	Cán bộ kỹ thuật phụ trách phần điện chiếu sáng	01	Tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Được đào tạo các chuyên ngành phù hợp. - Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu. - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự: + Hợp đồng: Công trình/hạng mục chiếu sáng (hoàn thành) + Công việc: Cán bộ kỹ thuật phụ trách phần điện chiếu sáng. (Cung cấp tài liệu chứng minh: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu có tên nhân sự hoặc xác nhận của chủ đầu tư hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương;
6	Cán bộ phụ trách hạng mục PCCC	01	Tối thiểu 05 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Được đào tạo các chuyên ngành phù hợp. - Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu. - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự: công trình/hạng mục PCCC (hoàn thành). + Công việc: Cán bộ kỹ thuật phụ trách hạng mục PCCC. (Cung cấp tài liệu chứng minh: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu có tên nhân sự hoặc xác nhận của chủ đầu tư hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương.
7	Cán bộ kỹ thuật phụ trách cấp, thoát nước	01	Tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Được đào tạo các chuyên ngành phù hợp. - Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu. - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự: + Hợp đồng: công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III hoặc 02 công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV (hoàn thành). + Công việc: Cán bộ kỹ thuật phụ trách phần nước (hoặc tương đương). (Cung cấp tài liệu chứng minh: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu có tên nhân sự hoặc xác nhận của chủ đầu tư hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương; Tài liệu chứng minh loại, cấp công trình (Quyết định phê

				duyet dự án hoặc giấy phép xây dựng hoặc tài liệu có tính pháp lý tương đương)
--	--	--	--	--

Ghi chú:

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Căn cứ vào quy mô, tính chất cụ thể của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất và thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy đào một gầu $\geq 0,8$ m ³ (có đăng ký, đăng kiểm hoặc kiểm định còn hiệu lực)	02 máy

2	Máy lu, bánh thép trọng lượng gia tải $\geq 10T$ (có đăng ký, đăng kiểm hoặc kiểm định còn hiệu lực)	02 máy
3	Máy lu bánh hơi, trọng lượng gia tải $\geq 25T$ (có đăng ký, đăng kiểm hoặc kiểm định còn hiệu lực)	01 máy
4	Thiết bị phun nhựa đường công suất $\geq 190CV$ (có kiểm định còn hiệu lực)	01 máy
5	Máy rải nhựa công suất $\geq 130CV$ (có kiểm định còn hiệu lực)	01 máy
6	Máy ủi, Công suất $\geq 110T$ (có kiểm định còn hiệu lực)	01 máy
7	Ô tô tự đổ $\geq 10 T$ (có đăng ký, đăng kiểm còn hiệu lực)	04 máy
8	Ô tô tưới nước $\geq 5m^3$ (có đăng ký, đăng kiểm còn hiệu lực)	01 máy
9	Cần cẩu sức nâng $\geq 6T$ (Đăng kiểm còn hiệu lực)	01 máy
10	Máy thủy bình hoặc toàn đạc (còn sử dụng tốt)	01 máy

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có): Không yêu cầu.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bim Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt³:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Am hiểu về gói thầu	Nhà thầu có trình bày về quy mô, giải pháp thiết kế căn cứ lập biện pháp thi công cụ thể cho gói thầu. Trình bày hiểu biết của nhà thầu về khu vực thực hiện gói thầu từ đó đưa ra đánh giá của nhà thầu về những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện dự án và những yêu cầu cần đặt ra trong quá trình thi công để khắc phục các khó khăn đó.	Đạt
	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất thiếu hoặc đề xuất của nhà thầu không phù hợp với nội dung của gói thầu	Không đạt

³ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

1.2. Biện pháp tổ chức thi công gói thầu:	<p>a) Nhà thầu có thuyết minh, bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường hợp lý, khả thi bao gồm các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức phân luồng giao thông; - Công trình tạm, kho bãi vật liệu, thiết bị thi công; - Cấp điện, cấp thoát nước phục vụ thi công <p>b) Có quy trình thi công chi tiết các hạng mục của gói thầu;</p> <p>c) Nhà thầu đề xuất bố trí các mũi thi công thực hiện gói thầu hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công và tiến độ thi công chi tiết của nhà thầu.</p> <p>d) Có đề xuất giải pháp phối hợp với các nhà thầu khác trong dự án và ban quản lý dự án đảm bảo thi công đúng trình tự được xuyên suốt.</p>	Đạt
	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất thiếu hoặc đề xuất của nhà thầu không phù hợp với nội dung của gói thầu	Không đạt
1.3. Biện pháp kỹ thuật thi công:	<p>- Nhà thầu có biện pháp kỹ thuật thi công (bao gồm thuyết minh và bản vẽ) chi tiết cho tất cả các nội dung công việc, hạng mục của gói thầu đảm bảo đầy đủ các công việc theo yêu cầu kỹ thuật tại chương V, bảng kê hạng mục công việc tại mẫu số 01C Chương IV; đúng quy trình, quy phạm pháp luật và các tiêu chuẩn hiện hành. (Trong trường hợp các hạng mục của gói thầu nhà thầu sử dụng cùng một biện pháp, công nghệ thi công thì nhà thầu được phép đề xuất biện pháp kỹ thuật thi công cho các cấu kiện điển hình).</p>	Đạt
	Biện pháp kỹ thuật thi công nhà thầu đề xuất không đầy đủ, chi tiết hoặc không phù hợp với quy mô nội dung công việc của gói thầu và yêu cầu của E-HSMT	Không đạt
1.4. Kế hoạch, tiến độ cung cấp vật liệu phục vụ gói thầu	<p>Nhà thầu phải lập kế hoạch cung ứng vật liệu cho các hạng mục của gói thầu và toàn bộ gói thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại chương V e-HSMT;</p> <p>Nhà thầu phải lập biểu đồ tiến độ huy động vật liệu cho từng hạng mục và toàn bộ gói thầu. Tiến độ cung cấp vật liệu phải phù hợp với tiến độ thi công và biện pháp kỹ thuật thi công nhà thầu đề xuất.</p>	Đạt
	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất thiếu hoặc đề xuất của nhà thầu không phù hợp với nội dung của gói thầu	Không đạt
1.5. Kế hoạch huy động máy móc, thiết bị chính cho gói thầu	<p>- Nhà thầu lập kế hoạch huy động máy móc, thiết bị phục vụ thi công và biểu đồ huy động máy móc, thiết bị phục vụ thi công cho từng hạng mục và toàn bộ gói thầu. Kế hoạch huy động máy móc, thiết bị nhà thầu đề xuất phải nêu rõ các nội dung về: loại thiết bị, số lượng và thời gian dự kiến huy động cho gói thầu;</p>	
	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất thiếu hoặc đề xuất của nhà thầu không phù hợp với nội dung của gói thầu	
1.6. Công tác thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch tổ chức thí nghiệm vật liệu sử dụng cho gói thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại chương V e-HSMT - Có phòng thí nghiệm hoặc có hợp đồng nguyên tắc với phòng thí nghiệm hợp chuẩn, được cấp phép thí nghiệm các nội dung trong lĩnh vực xây dựng (đỉnh 	Đạt

	kèm tài liệu chứng minh, bản chứng thực).	
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên	Không đạt

2. Tiến độ thi công;

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT	Nhà thầu có Biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu tại chương V E-HSMT. Biểu tiến độ thi công nhà thầu đề xuất phải thể hiện chi tiết các nội dung công việc thực hiện cho từng hạng mục của gói thầu và toàn bộ gói thầu. Tổng thời gian thi công nhà thầu đề xuất phải nhỏ hơn hoặc bằng thời gian thi công quy định tại E-HSMT.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên	Không đạt
2.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động vật liệu và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công c) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công	- Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi, có biểu đồ cho cả 3 nội dung a), b) và c). - Có tài liệu chứng minh khả năng huy động thiết bị phù hợp với biện pháp thi công và tiến độ thi công do nhà thầu đề xuất.	Đạt
	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ, không hợp lý	Không đạt
2.3. Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có các yếu tố khách quan (mưa bão, lũ lụt, mất điện ...)	Có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có các yếu tố khách quan: Hợp lý, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Không có biện pháp đảm bảo tiến độ thi công khi có các yếu tố khách quan hoặc không hợp lý, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt

3. Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

3.1. Tổ chức quản lý dự án	- Nhà thầu có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý dự án đầy đủ, chi tiết các bộ phận phù hợp gói thầu. - Thuyết minh chức năng nhiệm vụ cho từng bộ phận của bộ máy quản lý dự án. - Thuyết minh cách thức quản lý dự án cụ thể, chi tiết.	Đạt
	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ, không hợp lý	Không đạt
3.2. Tổ chức quản lý hiện trường	- Nhà thầu có sơ đồ tổ chức hiện trường đầy đủ, chi tiết các bộ phận phù hợp gói thầu. - Thuyết minh chức năng nhiệm vụ cho từng bộ phận. Thể hiện mối quan hệ trách nhiệm với các đơn vị liên quan (Chủ đầu tư, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế) cụ thể, chi tiết.	Đạt
	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ, không hợp lý.	Không đạt
3.3. Biện pháp đảm bảo	Nhà thầu phải có quy trình kiểm soát chất lượng khi thi	Đạt

chất lượng cho từng công tác và toàn bộ gói thầu	công và thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công và toàn bộ gói thầu hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công Có kế hoạch kiểm tra, thử nghiệm, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình; tổ chức kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng; nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng; nghiệm thu hoàn thành hạng mục của gói thầu và toàn bộ gói thầu	
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
3.4. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, máy móc thiết bị để phục vụ công tác thi công.	Nhà thầu có quy trình kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, máy móc thiết bị để phục vụ công tác thi công. Thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng cho nguyên vật liệu đầu vào hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
3.5. An toàn lao động	- Nhà thầu có lập kế hoạch an toàn lao động cụ thể, chi tiết phù hợp với tiến độ thi công của gói thầu - Có tổ chức bộ máy quản lý an toàn tại công trường. - Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công cụ thể: + Tổ chức đào tạo, thực hiện kiểm tra an toàn lao động; + Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; + An toàn giao thông ra vào công trường; + An toàn khi vận hành máy thi công + Biện pháp an toàn cho các công trình liên kề; bảo vệ các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh; + An toàn cho người tham gia giao thông và người thi công trong công trường.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên	Không đạt
3.6. Biện pháp phòng chống cháy nổ	Có biện pháp phòng chống cháy nổ hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và nêu Các quy định, quy phạm tiêu chuẩn; các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy nổ; tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ.	Đạt
	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ, không hợp lý	Không đạt
3.7. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường.	- Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công; - Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, bụi, rung và kiểm soát nước thải, đồ thải; - Có quy trình; biện pháp quản lý, xử lý chất thải rắn xây dựng.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên	Không đạt

3.8. Biện pháp đảm bảo an ninh trong quá trình thực hiện gói thầu	Có biện pháp bảo đảm an ninh trong quá trình thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ, không hợp lý	Không đạt

4. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Kế hoạch bảo hành, bảo trì công trình	Nhà thầu có đề xuất kế hoạch bảo hành cho công trình; Thời gian bảo hành công trình do nhà thầu đề xuất phải cụ thể và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành Nhà thầu đề xuất quy trình xử lý khi nhận được yêu cầu bảo hành từ chủ đầu tư	Đạt
	Nhà thầu không đề xuất kế hoạch bảo hành công trình hoặc thời gian bảo hành công trình không phù hợp với quy định của pháp luật	Không đạt

5. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 3 năm trở lại đây	Đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt

6. Các yếu tố cần thiết khác.

6.1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các loại vật liệu chính phục vụ gói thầu

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các loại vật liệu chính phục vụ cho gói thầu bao gồm: Cát; đá các loại; gạch các loại; xi măng; sắt thép các loại; cáp ngầm, ống cáp thoát nước, thiết bị điện, thiết bị PCCC và các loại vật liệu khác.	Có hợp đồng nguyên tắc với một hoặc nhiều đơn vị cung cấp có tư cách pháp nhân. Nhà thầu lập bảng đề xuất các loại vật liệu sử dụng cho gói thầu đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại chương V thuộc E-HSMT. Có kế hoạch kiểm soát, sử dụng vật tư, vật liệu tại công trường.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên.	Không đạt

6.2. Các cam kết của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Nhà thầu phải có cam kết thực hiện các nội dung sau:	<ul style="list-style-type: none"> - Cam kết về nguồn gốc chất lượng của các loại vật liệu sử dụng cho công trình, cam kết cung cấp đủ vật liệu để không làm gián đoạn quá trình thi công. - Cam kết về đáp ứng tiến độ thi công theo nội dung yêu cầu của HSMT. - Cam kết về việc bảo hành bảo trì công trình đáp ứng yêu cầu của HSMT. - Có cam kết về việc thực hiện quản lý và xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy định của pháp luật. 	Đạt

	Thiếu một trong các cam kết trên	Không đạt
--	----------------------------------	-----------

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất⁴:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

⁴ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.